



Mã số mẫu/ Sample Code:
01733.22

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, p. Phước Thới, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 500 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn, chứa trong chai thủy tinh có nắp
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 23/11/2022 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 2/12/2022

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|-------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
01732.22

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, p. Phước Thới, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 30/11/2022 Ngày trả kết quả/ Issued date : 9/12/2022

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,73 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,18 (23,3°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,5 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:
00030.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, p. Phước Thới, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 05/01/2023 Ngày trả kết quả/ Issued date : 16/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,62 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,35 (21,7°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,5 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1/1



Mã số mẫu/ Sample Code:
00031.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, p. Phước Thới, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Công đoàn khu công nghiệp Trà Nóc)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 05/01/2023 Ngày trả kết quả/ Issued date : 16/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,56 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,12 (21,4°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,4 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:
00032.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, p. Phước Thới, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (Đường Nguyễn Chí Thanh, p. Trà Nóc, q. Bình Thủy)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 05/01/2023 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 16/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | <i>E.coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,67 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,28 (20,6°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,4 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00011.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (Tại trạm)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 13/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | <i>E.coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 1,04 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,21 (22,8°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,5 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00012.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận, tt. thới Lai, h. Thới Lai)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ Issued date : 12/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,61 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,15 (21,3°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,4 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1




Mã số mẫu/ Sample Code:
00013.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, h. Thới Lai, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Khánh A, xã Tân Thạnh, h. Thới Lai)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|-------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,64 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,18 (22,9°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,4 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00008.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, h. Cờ Đỏ, TPCT
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ Issued date : 12/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,55 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,23 (21,0°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,5 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1



Mã số mẫu/ Sample Code:
00009.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT


1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, h. Cờ Đỏ, TPCT
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (xã Thạnh Phú, h. Cờ Đỏ)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/1/2023

| TT/ No. | Chi tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | <i>E.coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,57 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 7,05 (20,3°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,4 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC


PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00010.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, h. Cờ Đỏ, TPCT
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tt. Cờ Đỏ, h. Cờ Đỏ)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 2000ml và 1 chai x 250ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 03/01/2023 Ngày trả kết quả/ Issued date : 12/1/2023

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 3 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100ml | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,69 | SMEWW 2130 B-2017 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SMEWW 2120 C-2017 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150 & 2160 - 2017 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | pH (*) | - | 6,95 (20,3°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |
| 7 | Clor dư | mg/l | 0,3 | Đo tại hiện trường | 0,2 - 1,0 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Hoàng Dũng

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1